

Bản án số: 62/2023/DS-PT

Ngày: 17/4/2023

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Tồn.

Các Thẩm phán: ông Vũ Thanh Liêm
 ông Phạm Việt Cường

- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đỗ Xuân Ân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án dân sự thụ lý số 232/2022/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2022 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 983/2023/QĐ-PT ngày 23 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Lê Văn H, sinh năm 1954; Địa chỉ: thôn V, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

- *Các bị đơn:*

1. Ông Lê Chỉ C, sinh năm 1952;

2. Bà Lê Thị M, sinh năm 1954;

Cùng địa chỉ: thôn V, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn: bà Lê Thị Thanh P, sinh năm 1982; Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng (theo văn bản ủy quyền ngày 16/12/2019).
vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Quảng Nam; Địa chỉ: khối phố Mỹ Hòa, thị trấn Nam Phước, huyện D, tỉnh Quảng Nam. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: ông Hồ Minh C – Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện D, tỉnh Quảng Nam (*văn bản ủy quyền ngày 27 tháng 4 năm 2022*); vắng mặt.

2. Ông Lê Minh A, sinh năm 1953; Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng;

3. Bà Lê Thị B, sinh năm 1956; Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

4. Bà Lê Thị C, sinh năm 1958;

5. Ông Lê Văn T, sinh năm 1959;

6. Ông Lê Văn D, sinh năm 1960;

7. Ông Lê Văn D, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: thôn V, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam. vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của các ông, bà A, B, C, T, D và D: ông Lê Văn H, sinh năm 1954 (*theo văn bản ủy quyền ngày 10 tháng 5 năm 2019*); có mặt

8. Bà Lê Thị Hồng P, sinh năm 1976; vắng mặt

9. Bà Lê Thị Hồng T, sinh năm 1978; có mặt

10. Ông Lê Chỉ X, sinh năm 1980; vắng mặt

11. Ông Lê Chỉ H, sinh năm 1986; có mặt

12. Ông Lê Chỉ T, sinh năm 1983; có mặt

13. Bà Trương Thị N, sinh năm 1963; vắng mặt

Cùng địa chỉ: thôn V, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phía nguyên đơn trình bày:

Toàn bộ thửa đất số 386, tờ bản đồ số 02, diện tích **2.177,2m²** (theo kết quả đo đạc thực tế) có nguồn gốc là của ông bà nội (Lê B, Trương Thị K) để lại cho cha mẹ nguyên đơn (Lê B, Lê Thị T) trồng tre, quản lý, sử dụng. Sau 1975, do không có khả năng canh tác nên mẹ nguyên đơn giao lại phần đất trồng cho Hợp tác xã, nhưng tiếp tục chăm sóc, thu hoa lợi từ hàng tre quanh khu vườn theo hình chữ L, chiều rộng hướng Nam giáp đường liên thôn là 7m, chiều dài hướng Tây giáp nhà ông T là 64m, chiều ngang hướng Bắc giáp nhà ông T là 36m, rộng 3m, diện tích là **429,6m²**. Năm 2014, mẹ nguyên đơn chết, anh em của nguyên đơn tiếp tục quản lý, khai thác tre. Hiện tại toàn bộ diện tích đất này thuộc vườn ở của bị đơn và cơ quan có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất cho bị đơn. Do vậy, tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc các bị đơn trả cho các đồng thừa kế của bà Lê Thị T **429,6m²** và yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho các bị đơn liên quan đến diện tích đất tranh chấp.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, các bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cho rằng:

Tuy nguồn gốc vườn ở của bị đơn có liên quan đến ông, bà nội của nguyên đơn, nhưng từ năm 1978, các bị đơn được nhà nước giao thửa đất để làm nhà ở, sử dụng lâu dài, không tranh chấp với các hộ liền kề, đăng ký, kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 386, tờ bản đồ số 02. Về sự chênh lệch diện tích sử dụng thực tế với số liệu trong hồ sơ, tài liệu đăng ký kê khai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do phía cơ quan có thẩm quyền sai sót, còn gia đình bị đơn sử dụng đất ổn định đất qua các thời kỳ, không tách thửa, không chuyển nhượng cho người khác và không bị thu hồi đất. Về tre trên đất, các bị đơn cho rằng tại thời điểm mới về ở thì có vài cây tre, nhưng sau đó gia đình bị đơn chặt tre và sử dụng cho đến nay.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quan điểm như sau:

- Đại diện Ủy ban nhân dân huyện D cho rằng việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các bị đơn đối với thửa đất số 386 là đúng pháp luật.

- Các ông, bà Lê Văn A, Lê Thị B, Lê Thị C, Lê Văn T, Lê Văn D, Lê Văn D đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Các ông, bà Lê Thị Hồng P, Lê Thị Hồng T, Lê Chi X, Lê Chi T, Lê Chi H đồng ý với quan điểm của bị đơn.

- Bà Trương Thị N là chủ sở hữu 27 cây chuối trên đất tranh chấp nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết quyền lợi liên quan và xin vắng mặt tại các phiên làm việc, phiên xét xử sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 22/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 39, 34, 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính; các Điều 11, 15, 115, 163, 208, 219, 221, 224 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 2, 73 Luật đất đai năm 2003; các Điều 5, 100, 101, 166, 188, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 về hướng dẫn Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xác định phần diện tích đất mà bà Lê Thị T quản lý, sử dụng chung với hộ ông Lê Chi C (*Lê Chi X*) là **177,2m²**, thuộc một phần thửa đất số 386, tờ bản đồ số 02, tại thôn V, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam; giao cho hộ ông Lê Chi C (*Lê Chi X*) quản lý, sử dụng **177,2m²** đất này; buộc hộ ông Lê Chi C (*do ông Lê Chi C đại diện thực hiện nghĩa vụ*) trả giá trị quyền sử dụng đất cho các đồng thừa kế của bà Lê Thị

T (các ông, bà: Lê Văn H, Lê Minh A, Lê Thị B, Lê Thị C, Lê Văn T, Lê Văn D, Lê Văn D) số tiền 124.040.000 (một trăm hai mươi bốn triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với diện tích đất tranh chấp **252,4m²** (vị trí, tứ cận toàn bộ thửa đất, diện tích đất tranh chấp và diện tích đất **177,2m²** thuộc thửa đất số 386, tờ bản đồ số 02 được thể hiện trong bản vẽ kèm theo bản án).

Hộ ông Lê Chỉ C (Lê Chỉ X) có quyền lập thủ tục đăng ký biến động, đề nghị công nhận quyền sử dụng **177,2m²** đất được giao theo quy định của pháp luật.

2. Không có căn cứ để xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện D cấp năm 1995 cho hộ ông Lê Chỉ C (Lê Chỉ X) đối với thửa đất số 386, tờ bản đồ số 02, tại thôn V, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam là trái pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, chi phí tố tụng và công bố quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/9/2022, nguyên đơn ông Lê Văn H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm và buộc ông Chỉ, bà Mười trả cho ông thửa đất có diện tích 427m² và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND huyện D, tỉnh Quảng Nam đã cấp cho ông C, bà M năm 1995.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 25/QĐ-VKS-DS ngày 06/9/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và giao về giải quyết sơ thẩm lại.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Văn H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự để chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 22/8/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: nguyên đơn khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 26, 29, 34 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 4 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính, Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn H và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam thì thấy:

- Về chủ thể sử dụng đất: theo kết quả đo đạc thực tế của Tòa án thửa đất số 386, tờ bản đồ số 2 diện tích $2.177,2m^2$. Nguồn gốc là thửa đất nêu trên là do bà Lê Thị T (mẹ của nguyên đơn) quản lý, sử dụng trước khi bị đơn được UBND huyện D cấp giấy chứng nhận. Theo hồ sơ đăng ký kê khai theo Chỉ thị 299/TTg xác định thửa 386 có diện tích là $2.040m^2$ và theo hồ sơ đăng ký, kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995 theo Nghị định số 64/CP thì thửa đất nêu trên biến động giảm diện tích còn $1.750m^2$. Các bên đương sự đều thống nhất bà Lê Thị T (mẹ của nguyên đơn) quản lý, sử dụng một phần diện tích của thửa đất số 386, tờ bản đồ số 2 từ trước giải phóng đến nay, và tại các buổi hòa giải tranh chấp đất đai do Ủy ban nhân dân xã D tổ chức bị đơn ông Lê Chí C đều thống nhất giao lại cho phía nguyên đơn một phần diện tích đất giáp ranh giới giữa đất của bị đơn với đất nhà ông T, ông T, bà H theo hình chữ L. Đây là các tình tiết, sự việc không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy, ngoài diện tích được cấp $1.750m^2$ hộ bà T và các đồng thừa kế sử dụng diện tích đất còn lại trong hạn mức nhưng không kê khai.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào hồ sơ kê khai theo Chỉ thị 299/TTg xác định thửa 386 có diện tích là $2.040m^2$ để xác định phần diện tích bà Lê Thị T (mẹ của nguyên đơn) quản lý, sử dụng không kê khai là $2.177,2m^2 - 2.040m^2 = 177,2m^2$ là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của nguyên đơn. Bởi lẽ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện D cấp năm 1995 cho hộ ông Lê Chí C (*Lê Chí X*) đối với thửa đất số 386, tờ bản đồ số 02 thì diện tích thửa đất là $1.750m^2$. Đây là quyết định hành chính của cơ quan nhà nước về công nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Chí C có hiệu lực pháp luật. Như vậy, phần diện tích biến động tăng thêm của thửa đất do bà Lê Thị T (mẹ của nguyên đơn) quản lý, sử dụng phải là $2.177,2m^2 - 1.750m^2 = 427,2m^2$. Tuy nhiên, theo biên bản thẩm định và sơ đồ địa chính ngày 09/9/2019 thì diện tích tranh chấp $461m^2$ là tăng $33,8m^2$ – do biến động. Xét thấy, cần giao diện tích đất này cho các đồng thừa kế do ông Lê Văn H đại diện quản lý sử dụng.

Đối chiếu với hồ sơ trích lục địa chính do Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam trưng cầu thì phần diện tích $427,2m^2$ đảm bảo các điều kiện để được công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số

15/2020/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh Quảng Nam. Do đó các đồng thừa kế của bà Lê Thị T gồm các ông, bà: Lê Văn H, Lê Minh A, Lê Thị B, Lê Thị C, Lê Văn T, Lê Văn D, Lê Văn D được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục xin cấp giấy chứng nhận nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất nêu trên.

Đối với nội dung kháng cáo của nguyên đơn đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND huyện D, tỉnh Quảng Nam đã cấp cho hộ ông C vào năm 1995. Hội đồng xét xử thấy rằng: các bên đương sự thừa nhận bị đơn là người sử dụng thửa đất số 386, tờ bản đồ số 2 từ năm 1978. Bị đơn thực hiện đầy đủ thủ tục kê khai theo Chỉ thị 299/TTg và Nghị định số 64/CP. UBND huyện D đã thực hiện đầy đủ các thủ tục để công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 386, tờ bản đồ số 02 diện tích là 1.750m² cho hộ ông C. Nguyên đơn cũng căn cứ vào diện tích theo giấy chứng nhận này để xác định phần diện tích còn lại do mình quản lý sử dụng là 427,2m². Do đó có đủ cơ sở để khẳng định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND huyện D, tỉnh Quảng Nam đã cấp cho hộ ông C vào năm 1995 là đúng quy định của pháp luật nên yêu cầu kháng cáo này của nguyên đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam đề nghị xác minh làm rõ thành viên trong hộ gia đình ông Lê Chỉ C để làm căn cứ buộc thực hiện nghĩa vụ trả lại phần đất tranh chấp. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đưa các thành viên trong hộ gia đình ông Lê Chỉ C gồm vợ chồng ông C, bà M và tất cả những người con vào tham gia tố tụng. Tuy nhiên tại phần quyết định của bản án cấp sơ thẩm tuyên buộc hộ ông Lê Chỉ C (*do ông Lê Chỉ C đại diện*) có nghĩa vụ trả lại giá trị phần diện tích đất cho nguyên đơn là có thiếu sót. Lẽ ra trong trường hợp này cần liệt kê ghi rõ họ và tên từng thành viên hộ gia đình ông C có nghĩa vụ nêu trên thì mới đảm bảo được việc thi hành án. Sai sót nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm là không nghiêm trọng và không ảnh hưởng đến bản chất nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc hủy bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam về phần án phí. Buộc các thành viên hộ gia đình ông Lê Chỉ C phải chịu án phí tương ứng với giá trị phần diện tích đất có nghĩa vụ hoàn trả. Cụ thể: 299.040.000 đồng x 5% = 14.952.000 đồng. Nguyên đơn ông Lê Văn H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do được chấp nhận một phần kháng cáo nên nguyên đơn ông Lê Văn H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn H. Chấp nhận một phần kháng nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 22/8/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ các Điều 26, 39, 34, 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính; các Điều 11, 15, 115, 163, 208, 219, 221, 224 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 2, 73 Luật đất đai năm 2003; các Điều 5, 100, 101, 166, 188, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 về hướng dẫn Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn H.

1.1. Buộc hộ ông Lê Chỉ C (gồm các ông bà: Ông Lê Chỉ C; bà Lê Thị Muối; bà Lê Thị Hồng P; bà Lê Thị Hồng T; ông Lê Chỉ X; ông Lê Chỉ H; ông Lê Chỉ T; bà Trương Thị N) có nghĩa vụ hoàn trả cho các đồng thừa kế của bà Lê Thị T (gồm các ông, bà: Lê Văn H, Lê Minh A, Lê Thị B, Lê Thị C, Lê Văn T, Lê Văn D, Lê Văn D) phần diện tích 427,2m² (theo sơ đồ trích đo diện tích thực tế 461m²) thuộc thửa đất số 386, tờ bản đồ số 2 có tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp với đất của ông Lê Viết A;
- Phía Bắc giáp với đất của ông Lê Chí T;
- Phía Nam một đoạn giáp với đường bê tông; một đoạn giáp với đất của hộ ông Lê Chỉ C;
- Phía Tây một đoạn giáp với ông Trương Tấn T; một đoạn giáp với đất của bà Lê Thị H.

(Có sơ đồ đo vẽ ngày 09/9/2019 và biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ kèm theo bản án).

1.2. Các đồng thừa kế của bà Lê Thị T (gồm các ông, bà: Lê Văn H, Lê Minh A, Lê Thị B, Lê Thị C, Lê Văn T, Lê Văn D, Lê Văn D) được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thủ tục đăng ký biến động về quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 427,2m² thuộc thửa đất số 386, tờ bản đồ số 2.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn H về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện D cấp năm 1995 cho hộ ông Lê Chỉ C (Lê Chỉ X) đối với thửa đất số 386, tờ bản đồ số 02, tại thôn V, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: buộc các ông bà gồm: ông Lê Chi C; bà Lê Thị Muối; bà Lê Thị Hồng P; bà Lê Thị Hồng T; ông Lê Chỉ X; ông Lê Chi H; ông Lê Chí T; bà Trương Thị N có nghĩa vụ chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 14.952.000 đồng. Nguyên đơn ông Lê Văn H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: nguyên đơn ông Lê Văn H không phải chịu.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tồn